

KẾ HOẠCH

Chăm sóc giáo dục tổ Mầm Chồi năm học 2024 - 2025

Căn cứ Kế hoạch số 06/CM-MNHHD ngày 6 tháng 9 năm 2024 của chuyên môn trường MN Hoa Hướng Dương về việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn năm học 2024 – 2025;

Căn cứ vào tình hình thực tế của tổ Mầm Chồi, được sự thống nhất của 13/13 giáo viên trong tổ năm học 2024-2025;

Tổ Mầm Chồi xây dựng Kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ năm học 2024 - 2025 như sau.

Mục tiêu và nội dung giáo dục tổ Mầm Chồi năm học 2024 – 2025

Lớp 3 tuổi

STT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
I. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
1. Phát triển thể chất		
a. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.		
MT1	Thực hiện đủ các động tác trong bài thể dục theo hướng dẫn.	<ul style="list-style-type: none">* Hô hấp: Hít vào, thở ra* Tay:<ul style="list-style-type: none">- Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên.- Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực.* Lưng, bụng, lườn:<ul style="list-style-type: none">- Cúi phía trước.- Quay sang trái, sang phải.- Nghiêng người sang trái, sang phải.* Chân:<ul style="list-style-type: none">- Bước chân lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ- Co duỗi chân.
b. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động		
MT2	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi.	<ul style="list-style-type: none">- Đi trong đường hẹp.- Đi kiễng gót.

		<ul style="list-style-type: none"> - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi thay đổi hướng theo đường đích đặc
MT3	Kiểm soát được vận động chạy.	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy thay đổi hướng theo đường đích đặc.
MT4	Phối hợp tay- mắt trong vận động tung – bắt bóng.	<ul style="list-style-type: none"> - Tung bắt bóng với cô: bắt bóng được 3 lần liền không làm rơi bóng (khoảng cách 2,5m). - Tự đập bắt bóng được 3 lần liền. - Lăn bóng bằng 2 tay với cô - Chuyển và bắt bóng hai bên theo hàng ngang, hàng dọc.
MT5	Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập ném.	<ul style="list-style-type: none"> - Ném xa bằng 1 tay. - Ném trúng đích bằng 1 tay. - Ném trúng đích ngang xa 1,5m.
MT6	Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập bò.	<ul style="list-style-type: none"> - Bò chui qua cổng. - Bò theo hướng thẳng. - Bò theo đường đích đặc
MT7	Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập bật-nhảy.	<ul style="list-style-type: none"> - Bật tại chỗ - Bật về phía trước - Bật xa 20-25cm
MT8	Phối hợp tay- mắt trong vận động trườn.	<ul style="list-style-type: none"> - Trườn về phía trước - Trườn theo đường đích đặc. - Trườn theo hướng thẳng. - Bước lên xuống bậc cao (cao 30 cm)
MT9	Thực hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp	<ul style="list-style-type: none"> - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Đi, chạy thay đổi hướng theo đường đích đặc. - Lăn, tung bắt bóng với cô. - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay
c. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt.		
MT10	Gập, đan ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.	<ul style="list-style-type: none"> - Gập đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan, tết.
MT11	Xoay tròn cổ tay.	<ul style="list-style-type: none"> - Vo, xoắn, xoáy, vặn, búng ngón tay, vè, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn nối... - Xé dán giấy.

MT12	Xếp chồng các hình khối khác nhau.	- Xếp chồng các khối hình khác nhau - Xếp theo khả năng của trẻ.
MT13	Tự cài, cởi cúc.	- Cài, cởi cúc, kéo khóa, mặc áo, cởi áo.
2. Dinh dưỡng và sức khỏe		
a. Biết 1 số món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe.		
MT14	Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc.	- Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật, tranh ảnh như: Thịt, cá trứng, sữa, rau....
MT15	Biết tên một số món ăn hàng ngày.	- Biết tên một số món ăn hàng ngày như: Trứng rán, cá kho, canh rau...
MT16	Biết ăn để chóng lớn khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Trẻ ăn hết khẩu phần ăn của mình. - Trẻ ăn nhiều món ăn khác nhau khi ở nhà, khi ở trên trường.
MT17	Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống và bệnh tật.	- Giáo dục cho trẻ không uống nước lã ảnh hưởng đến sức khỏe (đau bụng, ỉa chảy). Uống nước đã đun sôi để nguội... - Không ăn các thức ăn, nước uống có hại: Có mùi hôi/chua/có màu lạ. Ví dụ các thức ăn ôi thiu, rau quả khi chưa rửa sạch... - Giáo dục trẻ không nên ăn quá nhiều bánh kẹo, nước uống có ga.
b. Thực hiện được 1 số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.		
MT18	Trẻ tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng.	- Trẻ biết cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không làm đổ cơm và thức ăn ra ngoài. - Tư thế ngồi thoải mái.
MT19	Làm quen với cách đánh răng, lau mặt.	Thực hiện được với sự giúp đỡ của người lớn: - Tự chải răng, rửa mặt, súc miệng. - Gọn: không vẩy nước ra ngoài, không ướt áo/quần.
MT20	Tập rửa tay bằng xà phòng.	- Biết rửa tay theo quy trình 6 bước. - Tự rửa tay bằng xà phòng. - Rửa gọn: Không vẩy nước ra ngoài, không ướt áo/quần. - Rửa sạch: tay sạch, không có mùi xà phòng.
MT21	Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	- Biết đi vệ sinh đúng phòng (nam,

		nữ).
c. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe.		
MT22	Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở.	- Biết mời cô, mời bạn khi ăn, ăn từ tốn, nhai kỹ. - Đi ngủ đúng giờ.
MT23	Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	- Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.
d. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.		
MT24	Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm.	- Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm như: Ổ điện, bếp đang đun, phích nước nóng...khi được nhắc nhở.
MT25	Biết tránh nơi nguy hiểm	Biết tránh nơi nguy hiểm như: Hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố sâu... khi được nhắc nhở
MT26	Biết tránh một số hành động nguy hiểm.	- Không cười đùa trong khi ăn, uống, hoặc khi ăn các loại quả có hạt - Không tự lấy thuốc uống - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn - Không xem ti vi ở khoảng cách quá gần.
MT27	Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	- Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo. - Nghỉ học phải xin phép cô, hỏi ý kiến cô giáo khi đi với người khác.
II. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
1. Khám phá khoa học		
a. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng.		
MT28	Quan tâm, hứng thú đến các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Thích những cái mới (đồ chơi, đồ vật, trò chơi, hoạt động mới). - Hay hỏi về những thay đổi mới xung quanh khi được quan sát và đặt câu hỏi? Cái này để làm gì? Tại sao?, Vì sao?....”
MT29	Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu các đối	- Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát khám phá: Như cầm, nắm,

	tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ... để nhận ra đặc điểm nổi bật của các đối tượng.	ngửi, sờ, nhìn... - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại của con người. - Đặc điểm công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Một vài đặc điểm, tính chất của nước, đất, đá, cát, sỏi...
MT30	Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng.	- Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Quan sát so sánh các loại nước pha màu, muối đường hòa tan trong nước,...
MT31	Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện về đối tượng.	- Trẻ biết được một số thông tin khi được quan sát qua tranh ảnh, sách, chuyện như: bức tranh này có con thỏ rất dễ thương, trong cuốn sách có rất nhiều bông hoa đẹp.....
MT32	Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu nổi bật.	- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu. - Tên gọi, đặc điểm, công dụng của một số đồ dùng, đồ chơi.
b. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản.		
MT33	Nhận ra một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Quan sát nhận ra mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”,...
MT34	Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.	- Trẻ gọi tên đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông... - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 phương tiện giao thông,...
MT35	Đặc điểm nổi bật và lợi ích	- Gọi tên, hoa, quả con vật, cây cối gần

	của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc	gửi xung quanh. - Biết được đặc điểm chung của 2 con vật, cây cối,...theo 1-2 dấu hiệu nổi bật. - So sánh sự giống nhau và khác nhau của cây, con vật, hoa, quả. - Giáo dục trẻ cách chăm sóc và bảo vệ.
MT36	Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	- Gọi tên một số loại đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm nổi bật đồ dùng, đồ chơi. - Công dụng cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi.
MT37	Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.	- Trẻ nhận biết ban ngày: Trời sáng. - Trẻ biết ban đêm: Trời tối. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm.
MT38	Lợi ích của nước với đời sống của con người, con vật, cây.	- Nhận biết một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày. - So sánh 2-3 nguồn nước. - Một số đặc điểm, tính chất của nước.(Nước không màu, không mùi – nước có màu có mùi.) - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Nước có lợi ích đối với đời sống con người, con vật, cây.
c. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau.		
MT39	Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	- Mô tả đối tượng, được quan sát với sự gợi mở của cô giáo. - Chơi đóng vai bắt chước các hành động của những người gần gũi như: chuẩn bị bữa ăn của mẹ, bác sĩ khám bệnh....
MT40	Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.	- Nhận biết dấu hiệu của các mùa trong năm và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Biết Tây Nguyên có 2 mùa rõ rệt và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.
2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán.		
a. Nhận biết số đếm, số lượng.		
MT41	Quan tâm đến số lượng và đếm	- Đếm số lượng theo khả năng trẻ.

	như hay hỏi về số lượng, đếm vệt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Đếm trên các ngón tay, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng trong phạm vi 5.
MT42	Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng của trẻ. Một và nhiều.
MT43	So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5. (Theo khả năng của trẻ) - Nói được nhóm nào có số lượng nhiều hơn / ít hơn/ bằng nhau.
MT44	Biết gộp và đếm 2 nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5	- Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.
MT45	Tách 1 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm.	- Tách 1 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm. (Ví dụ: nhóm có 3 bông hoa và 2 bông hoa vv..)
b. Sắp xếp theo quy tắc.		
MT46	Xếp tương ứng.	Xếp tương ứng 1.1, ghép đôi.
MT47	Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp theo quy tắc 1-1,2-2...(theo mẫu). - So sánh 2 đối tượng về kích thước. - Xếp xen kẽ.
c. So sánh 2 đối tượng.		
MT48	So sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn, nhỏ hơn, dài hơn, ngắn hơn, cao hơn, thấp hơn, bằng nhau	- Trẻ biết so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn, nhỏ hơn, dài hơn, ngắn hơn, cao hơn, thấp hơn, bằng nhau
d. Nhận biết hình dạng.		
MT49	Nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Trẻ nhận biết phân biệt hình (hình vuông, chữ nhật, tròn và tam giác.)
e. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian.		
MT50	Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân như: Nhận Biết phía trên-phía dưới, phía trước phía sau, tay phải, tay trái của bản thân.
3. Khám phá xã hội		
a. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng.		

MT51	Nói tên bố mẹ các thành viên trong gia đình và địa chỉ gia đình mình.	- Trẻ nói được tên bố mẹ các thành viên trong gia đình, nói được ai là người sinh ra bố mẹ, sinh ra các con. - Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình.
MT52	Nói tên trường, lớp, cô giáo và một số công việc của cô giáo khi được hỏi, trò chuyện.	- Trẻ nói được tên lớp, tên cô và một số công việc của cô giáo và (các cô bác ở trường).
MT53	Nói tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.	- Trẻ nói tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi, các hoạt động ở trường khi được hỏi, trò chuyện. - Biết giữ gìn và bảo vệ đồ dùng, đồ chơi.
MT54	Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân. Các giác quan trên cơ thể.	- Trẻ nhớ tên, nhận biết các đặc điểm trên cơ thể như (đầu: “có tóc, tai, miệng,...” mình, chân,...) - Chức năng của các giác quan. - Nhận xét sự giống và khác nhau giữa bạn trai và bạn gái....
b. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương.		
MT55	Kể tên và nói được sản phẩm một số nghề phổ biến nơi trẻ sống.	- Trẻ kể được tên một số nghề phổ biến ở nơi trẻ sống (nghề nông - nghề xây dựng, hoặc nghề dạy học - Bác sĩ,...) khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh. Sản phẩm của nghề đó; Công cụ để làm nghề đó.
c. Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh.		
MT56	Kể tên một số lễ hội qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu, ngày Quốc Khánh 2/9, 5/9 (ngày hội đến trường). (Ngày nhà giáo Việt Nam: 20/11, 8/3, 30/4, 1/6....)
MT57	Kể tên một vài danh lam thắng cảnh ở địa phương.	- Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, một vài đặc điểm nổi bật danh lam thắng cảnh ở địa phương...
III. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
1. Nghe hiểu lời nói - Sử dụng lời nói để giao tiếp – Làm quen với việc đọc		
a. Nghe hiểu lời nói.		
MT58	Thực hiện được yêu cầu đơn giản.	- Hiểu và làm theo 1-2 yêu cầu. - Khi đến lớp giáo viên yêu cầu trẻ thực hiện chỉ dẫn và trẻ thực hiện được (ví dụ: Cháu hãy lấy quả bóng ném vào rổ, cất balô lên giá, cởi giày và

		vào lớp chơi cùng các bạn khác).
MT59	Hiểu nghĩa của các từ gần gũi	<p>- Trẻ biết sử dụng các từ có nghĩa đơn giản, gần gũi như: quần áo, đồ chơi, hoa, quả</p> <p>- Nói được từ khái quát chỉ các vật (hoặc đồ vật) sau khi được xem tranh vật thật hoặc tranh các vật (hoặc đồ vật) cùng loại và nghe nói mẫu từ khái quát chỉ các vật (hoặc đồ vật) nào đó. Ví dụ: Đưa ra trước mặt trẻ các đồ vật sau (có thể dùng tranh): Cốc, ca, tách (li/ chén) và chỉ vào các đồ vật đó, nói: “Đây là cái cốc, ca, tách (li/ chén....</p>
MT60	Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	<p>- Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại: ví dụ (cô vừa kể cho các con nghe câu chuyện gì? Kể tên các con vật trong chuyện cho cô? Hay trong tranh có con vật gì....?</p> <p>- Nghe các bài hát bài thơ, ca dao, đồng dao, hò, vè phù hợp với độ tuổi</p>
b. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày.		
MT61	Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	<p>- Trẻ đọc thuộc được bài thơ, ca dao, đồng dao hò vè.</p> <p>- Trẻ được tìm hiểu về nội dung bài thơ, ca dao, đồng dao hò vè.</p>
MT62	Kể lại một vài tình tiết của câu truyện đã được nghe.	<p>- Trẻ được nghe, hiểu về nội dung, tình tiết, nhân vật trong truyện phù hợp với độ tuổi.</p> <p>- Biết kể truyện đơn giản cùng cô.</p>
MT63	Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	<p>-Trẻ biết thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp thể hiện tính cách nhân vật theo lời dẫn truyện của giáo viên.</p> <p>- Thể hiện được các vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề...</p> <p>- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.</p>
MT64	Đóng vai theo lời dẫn truyện của giáo viên.	Trẻ đóng kịch theo khả năng của trẻ hay sự giúp đỡ của cô.
MT65	Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại câu chuyện ngắn dựa vào trí nhớ hoặc qua truyện đã được cô giáo, bố mẹ kể hoặc đọc cho trẻ nghe với đầy đủ yêu tố (nhân vật, lời nói của

		các nhân vật, thời gian, địa điểm và diễn biến theo đúng trình tự nội dung của câu chuyện. Lời kể rõ ràng thể hiện qua cảm xúc, lời kể và cử chỉ, nét mặt.
MT66	Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	- Biết sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa... trong giao tiếp. - Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp - Biết chào hỏi, mời cô, mời bạn...
MT67	Nói đủ nghe, không nói lí nhí.	- Phát âm đúng và rõ ràng những điều muốn nói để người khác có thể hiểu được. - Sử dụng lời nói dễ dàng, thoải mái, nói với âm lượng vừa đủ trong giao tiếp
c. Làm quen với việc đọc – viết.		
MT68	Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống	Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống như: nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo...
MT69	Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên các nhân vật trong tranh.	- Biết gọi tên các nhân vật trong tranh theo khả năng của trẻ.
MT70	Cầm sách đúng chiều mở sách, xem tranh và đọc truyện.	- Biết cách mở, xem tranh, cầm sách đúng chiều mở lật sách và kể truyện theo tranh theo khả năng của trẻ.
MT71	Giữ gìn sách	- Để sách đúng nơi qui định. - Giữ gìn sách: không ném, vẽ bậy, xé, làm nhăn, nhàu, hỏng sách, ngồi, dẫm lên sách. - Có thái độ tốt đối với sách.(buồn, không đồng tình khi bạn làm hỏng sách; áy náy lo lắng khi nhìn thấy sách bị hỏng, rách,...)
MT72	Trẻ nói rõ các tiếng.	+ Phát âm các tiếng của tiếng Việt + Nói đầy đủ câu, không nói lắp, không nói ngọng. + Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe.
MT73	Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giới sách xem tranh.	+ Tiếp xúc với chữ, sách truyện. + Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.

IV. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI.		
1. Phát triển tình cảm		
a. Thể hiện ý thức về bản thân.		
MT74	Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Trẻ biết giới thiệu về bản thân như: Họ và tên trẻ, tuổi, giới tính.
MT75	Nói được điều bé thích, không thích.	- Nói được những điều bé thích hay không thích. - Cô chia sẻ với trẻ về những sở thích đó.
b. Thể hiện sự tự tin, tự lực.		
MT76	Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời các câu hỏi.	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời các câu hỏi khi được hỏi. - Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao.(chia giấy, vẽ, xếp đồ chơi...).
c. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.		
MT77	Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt cử chỉ giọng nói.	- Trẻ nhận biết và nói được một số trạng thái cảm xúc của người khác : Vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua nét mặt, cử chỉ, điệu bộ khi tiếp xúc trực tiếp, hoặc qua tranh, ảnh.
MT78	Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi, đọc thơ, kể chuyện, hát, vận động.	- Trẻ thể hiện những trạng thái cảm xúc của bản thân: Vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua lời nói, nét mặt, cử chỉ, và điệu bộ - Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động.
MT79	Kính yêu Bác Hồ	- Xem tranh ảnh Bác Hồ. - Thể hiện qua bài hát, bài thơ, câu chuyện về Bác Hồ. - Trò chuyện về Bác.
2. Phát triển kỹ năng xã hội		
a. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội.		
MT80	Thực hiện một số quy định ở lớp và gia đình.	- Biết thực hiện một số quy định ở lớp và gia đình và cộng đồng như: để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường... - Biết giúp đỡ cô giáo, ông bà, bố mẹ, bạn bè.

		- Tôn trọng, yêu thương người lớn và các em nhỏ, biết nhường em.
MT81	Biết chào hỏi, nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi khi được nhắc nhở	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép với người lớn - Phân biệt được tốt, xấu; đúng, sai
MT82	Chờ đến lượt	- Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động. - Trong các trường hợp đông người, trẻ biết xếp hàng, vui vẻ (kiên nhẫn) chờ đến lượt. - Không chen ngang, không xô đẩy người khác. - Không tranh nói trước khi trò chuyện trong nhóm.
MT83	Chơi hòa thân với bạn.	- Không đánh bạn, không dành giật của bạn, không la hét hoặc nằm ăn vạ. Yêu mến bạn, an ủi, dỗ dành bạn,... - Vui vẻ chia sẻ đồ chơi với bạn
MT84	Chú ý nghe khi cô nói, bạn nói.	- Trẻ biết lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép
MT85	Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ	- Biết chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ - Có ý thức chờ đợi đến lượt mình không chen lấn trong các hoạt động cũng như trò chơi. - Sẵn sàng trao đổi, hướng dẫn, giúp đỡ bạn trong hoạt động cùng nhóm
MT86	Nhận biết hành vi “đúng”- “sai”, “tốt” - “xấu”.	- Mô tả được các hành vi đúng / sai trong ứng xử với môi trường xung quanh.
b. Quan tâm đến môi trường.		
MT87	Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Thích quan sát, thích được bảo vệ, chăm sóc cây trồng, vật nuôi (không bẽ cảnh, ngắt hoa,.. bón phân, nhổ cỏ, tưới nước, nhặt lá vàng, cho các con vật ăn (gà, vịt,..) - Yêu thương chăm sóc con vật gần gũi - Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối
MT88	Bỏ rác đúng nơi quy định	- Biết nhắc nhở người khác giữ gìn và bảo vệ môi trường: Không vứt rác bừa bãi, - Bỏ rác đúng nơi quy định.

		- Giữ gìn vệ sinh trong lớp, ngoài đường.
MT89	Tiết kiệm điện, nước	Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt tắt điện khi ra khỏi phòng.
V. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ		
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật.		
MT90	Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.	- Vui sướng, vỗ tay, nói lời cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng. (như màu sắc, hình dáng...)
MT91	Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện.	- Trẻ nghe và cảm nhận, thể hiện được nhịp điệu bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, nghe kể câu chuyện... - Nhận ra các loại nhạc như: (nhạc thiếu nhi, dân ca, quốc tế,...) tục ngữ, ca dao, hò, vè...
2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc, hoạt động tạo hình.		
MT92	Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca).	- Trẻ lắng nghe và tỏ ra thích thú khi nghe những giai điệu dân ca, nhạc thiếu nhi. - Biết thể hiện cử chỉ qua lời bài hát dân ca, thiếu nhi.
MT93	Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.	- Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc. - Biết thể hiện cử chỉ qua lời bài hát - Trẻ cảm nhận được nội dung của bài hát
MT94	Vận động đơn giản theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc.	- Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc. (Vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa...).
MT95	Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.	- Biết sử dụng 1 số dụng cụ âm nhạc như kèn, trống, sắc xô, gõ...biết tên gọi 1 số dụng cụ đó.
MT96	Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên sẵn có để tạo ra sản phẩm.
MT97	Vẽ, tô màu các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức	- Sử dụng các kĩ năng vẽ, tô màu để tạo ra sản phẩm có màu sắc, hình

	tranh đơn giản.	dáng/đường nét. (Theo mẫu) - Vẽ, tô màu các nét thẳng, xiên, ngang, cây, nhà, đồ vật, đồ chơi, con vật, vẽ mưa.
MT98	Xé dán giấy theo dải, xé vụn tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng các kĩ năng xé để tạo ra sản phẩm đơn giản. - Xé theo dải, xé vụn, - Xé hình vuông, tam giác, hình chữ nhật, hình tròn, theo sự giúp đỡ của cô giáo... - Dán đúng vị trí với sự giúp đỡ của cô giáo
MT99	Sử dụng kỹ năng cắt.	- Cắt vụn giấy. - Cắt thẳng được một đoạn 10cm.
MT100	Lăn dọc, xoay, ấn bẹt, bẻ, dát nặn thành sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Sử dụng các kĩ năng nặn để tạo ra sản phẩm . - Nặn bánh, hình tròn, hình vuông, nặn quả nho....
MT101	Nhận xét sản phẩm tạo hình	- Biết đưa ra nhận xét sản phẩm tạo hình của bản thân và của bạn khác.

3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật.

MT102	Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc. - Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát. - Vận động sáng tạo, theo ý thích khi hát, khi nghe bản nhạc quen thuộc.
MT103	Tạo ra sản phẩm theo ý thích	- Sử dụng các kỹ năng để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét, bố cục theo ý thích của trẻ.
MT104	Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình theo khả năng của trẻ, theo sự gợi ý của cô.

Lớp Chồi đơn

STT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
I. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
1. Phát triển vận động		
a. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp		
MT1	Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác	Hô hấp: Hít vào, thở ra Tay:

	trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). - Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau và trên đầu) <p>Lưng, bụng, lườn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cúi về phía trước, ngửa ra sau. - Quay sang trái, sang phải. - Nghiêng người sang trái, sang phải. <p>Chân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhún chân. - Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. - Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.
b. Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động		
MT2	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi.	<ul style="list-style-type: none"> - Đi bằng gót chân. - Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, dích dắc (đổi hướng) theo vạch chuẩn. - Đi khụy gối. - Đi lùi trên sàn
MT3	Kiểm soát được vận động chạy	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Chạy 15m trong khoảng 10 giây. - Chạy chậm 60- 80 m.
MT4	Phối hợp tay- mắt trong vận động tung bắt bóng.	<ul style="list-style-type: none"> - Đập và bắt bóng tại chỗ. - Tung bắt bóng với người đối diện: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3m). - Tung bóng lên cao và bắt bóng. - Chuyển và bắt bóng qua đầu, qua chân.
MT5	Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập ném.	<ul style="list-style-type: none"> - Ném trúng đích bằng 1 tay. - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.
MT6	Thể hiện nhanh, mạnh,	<ul style="list-style-type: none"> - Bò bằng bàn tay, bàn chân 3 - 4m.

	khéo trong thực hiện bài tập bò.	<ul style="list-style-type: none"> - Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x0,6m. - Bò đích dắc qua 5 điểm.
MT7	Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập bật - nhảy	<ul style="list-style-type: none"> - Bật liên tục về phía trước. - Bật xa 35 - 40cm. - Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. - Nhảy lò cò 3m. - Bật nhảy từ trên cao xuống (cao 30 – 40 cm). - Bật qua vật cản cao 10-15cm
MT8	Phối hợp tay- mắt trong vận động trườn.	<ul style="list-style-type: none"> - Trườn theo hướng thẳng. - Trèo qua ghế dài 15mx30m - Trèo lên xuống 5 gióng thang
MT9	Thực hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp	<ul style="list-style-type: none"> - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Đi, chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc. - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay
c. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ		
MT10	Thực hiện được các vận động: Cuộn, xoay tròn cổ tay.	<ul style="list-style-type: none"> - Vo, xoắn, xoáy, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn nôi...
MT11	Thực hiện được các vận động: Gập, mở các ngón tay.	<ul style="list-style-type: none"> - Gập vào mở các ngón tay. - Gập giấy.
MT12	Xây dựng, lắp ráp với 10-12 khối hình.	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng, lắp ráp trường học, người, nhà, ô tô, xe, đạp, thuyền buồm, bến tàu, chuồng, trại, biển báo giao thông, doanh trại bộ đội, lăng Bác Hồ,... - Trẻ biết xếp chồng 10 – 12 khối gỗ không đổ. - Xếp theo khả năng của trẻ.
MT 13	Biết tết sợi đôi.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ thực hiện được thao tác tết sợi đôi.
MT14	Tự cài, cởi cúc, khâu, buộc	<ul style="list-style-type: none"> - Cài, cởi cúc, kéo khóa, mặc áo, khâu hạt,

	dây.	buộc dây.
2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
a. Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe		
MT15	Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết một số nhóm thực phẩm cùng nhóm: Thịt, cá, trứng có nhiều chất đạm - Rau, quả chín có nhiều vitamin...
MT16	Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản.	<ul style="list-style-type: none"> - Biết tên một số món ăn hàng ngày như: Trứng rán, thịt kho, canh rau... - Nhận biết dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...
MT17	Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	<ul style="list-style-type: none"> - Ăn đầy đủ các nhóm thực phẩm. - Không kén chọn thức ăn. - Ăn hết suất ăn.
MT18	Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Kể được các thức ăn, nước uống có hại: Có mùi hôi /chua/có màu lạ. Ví dụ các thức ăn ôi thiu, nước lã, rau quả khi chưa rửa sạch... sẽ bị đau bụng và ỉa chảy. - Không ăn, uống những thức ăn đó.
b. Thực hiện được 1 số việc tự phục vụ trong sinh hoạt		
MT19	Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết đi vệ sinh đúng khu vực dành cho nam và cho nữ.
MT20	Tập đánh răng, lau mặt.	<p>Thực hiện được với sự hướng dẫn của người lớn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự chải răng, lau mặt.
MT21	Tự rửa tay bằng xà phòng.	<ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng theo quy trình 6 bước. - Tự rửa tay bằng xà phòng.
MT22	Trẻ tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi,	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không làm đổ cơm và thức ăn ra ngoài.

	đồ thức ăn.	- Tư thế ngồi thoải mái.
MT23	Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	- Khi bị ướt, bản trẻ tự lấy quần áo và thay hoặc nhờ sự giúp đỡ của người lớn.
c. Có một số hành vi, thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe		
MT24	Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Khi thấy rác trẻ biết nhặt rác và bỏ rác vào thùng rác.
MT25	Có một số hành vi tốt trong ăn uống.	- Biết mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã.
MT26	Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	- Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.
d. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh		
MT27	Biết tránh một số nơi nguy hiểm.	- Giáo dục cho trẻ không được lại gần những nơi nguy hiểm như: Ổ điện, bếp đang đun, phích nước nóng,...
MT28	Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.	- Không cười đùa trong khi ăn, uống, hoặc khi ăn các loại quả có hạt,...
MT29	Không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.	- Không tự ý lấy thuốc và uống thuốc khi người lớn không cho phép.
MT30	Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	- Không nghịch các vật sắc nhọn - Không bỏ vật nhỏ vào mũi, tai, miệng
MT31	Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.	- Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc.
II. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
1. Khám phá khoa học		

a. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng		
MT32	Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo.	<ul style="list-style-type: none"> - Thích những cái mới (đồ chơi, đồ vật, trò chơi, hoạt động mới) - Hay đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lại bị ướt?....
MT33	Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại của con người. - Đặc điểm công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi và các hiện tượng xung quanh. - Một vài đặc điểm, tính chất của nước, đất, đá, cát, sỏi...
MT34	Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	<ul style="list-style-type: none"> - Biết thực hiện, trải nghiệm 1 số bài thí nghiệm, đưa ra ý kiến nhận xét, so sánh... - Làm thí nghiệm vật chìm vật nổi - Làm thí nghiệm các loại nước, pha màu, muối đường hòa tan trong nước...
MT35	Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu. - Tên gọi, đặc điểm, công dụng của một số đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu.
MT36	Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi tên một số loại đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm bên ngoài của đồ dùng, đồ chơi. - Công dụng cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi.
MT37	Đặc điểm, công dụng của 1 số phương tiện giao	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ gọi tên, đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông, biển báo giao

	thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu.	thông, luật lệ giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 phương tiện giao thông,...
MT38	Đặc điểm bên ngoài của con vật, hoa, quả gần gũi, lợi ích và tác hại đối với con người.	- Gọi tên, hoa, quả con vật, cây cối gần gũi xung quanh. - Biết được đặc điểm bên ngoài của con vật, hoa, quả gần gũi, lợi ích và tác hại đối với con người. - Phân loại, so sánh sự giống nhau và khác nhau của cây, con vật, hoa, quả...theo 1-2 dấu hiệu. - Giáo dục trẻ cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.
MT39	So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.	- Nhận biết được sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - So sánh được sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.
MT40	Sự khác nhau giữa ngày và đêm.	- Trẻ nhận biết ban ngày: Trời sáng, sinh hoạt của con người, con vật, cây. - Trẻ biết ban đêm: Trời tối. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm
MT41	Ích lợi của nước với đời sống của con người, con vật và cây.	- Nhận biết một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày. - So sánh 2-3 nguồn nước. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Nước có ích lợi đối với đời sống con người, con vật, cây
MT42	Một số đặc điểm, tính chất của nước.	- Gọi tên và nêu được đặc điểm, tính chất của nước. - Nêu được khác biệt cơ bản các nguồn nước.

MT43	Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau các đối tượng được quan sát.	Biết đưa ra nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau các đối tượng được quan sát như đặc điểm bên ngoài của các sự vật hiện tượng, các con vật gần gũi, ích lợi và tác hại của chúng đối với con người
MT44	Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của của nó đến sinh hoạt của con người.	<ul style="list-style-type: none"> - Một số hiện tượng thời tiết các ngày trong tuần. - Nhận biết dấu hiệu của các mùa trong năm và ảnh hưởng của của nó đến sinh hoạt của con người. - Biết Tây Nguyên có 2 mùa rõ rệt và ảnh hưởng của của nó đến sinh hoạt của con người.
b. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản		
MT45	Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét thảo luận được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. - Nêu được nguyên nhân dẫn đến hiện tượng đó. <p>Ví dụ: Cho thêm đường / muối nên nước ngọt / mặn hơn.</p>
MT46	Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.	<ul style="list-style-type: none"> - Biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn. Ví dụ: “làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn”,... - Trẻ tự giải quyết vấn đề theo khả năng của trẻ.
2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán		
a. Tập hợp số lượng, số thứ tự và đếm		
MT47	Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.

	vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?.	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các số từ 1- 5 để chỉ số lượng các số thứ tự. - Đếm và nói đúng số lượng đến 5 (hạt na, cái cúc, hạt nhựa, con vật, bông hoa, cây,...) - Đọc được các chữ số từ 1 đến 5 và chữ số 0. - Chọn thẻ chữ số tương ứng (hoặc viết) với số lượng đã đếm được. - Đếm số lượng theo khả năng trẻ.
MT48	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	<ul style="list-style-type: none"> - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10. - Đếm số lượng trên tranh, ảnh, đồ dùng, đồ chơi... - Đếm theo khả năng của trẻ.
MT49	So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. - Đếm theo khả năng của trẻ.
MT50	Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	<ul style="list-style-type: none"> - Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5. - Kiểm tra, đếm và nói kết quả.
MT51	Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	Tách 5 đồ vật (hạt na, cái cúc, hạt nhựa...) thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau.
MT52	Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.	Xếp tương ứng 1.1, ghép đôi.
b. Sắp xếp theo quy tắc		
MT53	Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	<ul style="list-style-type: none"> - Xếp theo quy tắc 1-1,2-2,3-3, 1-2,1-3,2-3... - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Xếp xen kẽ.
c. So sánh hai đối tượng		

MT54	Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	<ul style="list-style-type: none"> - Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo của 2 đối tượng. - Đo dung tích bằng 1 đơn vị đo - Nói đúng kết quả đo
d. Nhận biết hình dạng		
MT55	Chỉ ra các điểm giống và khác nhau giữa hai hình (hình tròn và tam giác, hình vuông và chữ nhật)	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi tên được hình tròn và tam giác, hình vuông và chữ nhật - So sánh được sự giống nhau và khác nhau giữa hai hình hình tròn và tam giác, hình vuông và chữ nhật.
MT56	Trẻ biết nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	<ul style="list-style-type: none"> + Ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe) + Giải thích bằng mẫu câu: Tại vì...nên...)
e. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian		
MT57	Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau, phía trên - phía dưới phía phải - phía trái)	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân và so với bạn khác như: phía trước - phía sau, phía trên - phía dưới phía phải - phía trái.
MT58	Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày theo sự giúp đỡ của cô như: buổi sáng từ 6-10h; trưa từ 11h-13h; buổi chiều 13h30- 17h, tối từ 18h...
3. Khám phá xã hội		
a. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng		
MT59	Nói họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình. - Trẻ nhớ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ, một số nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình. - Giáo dục trẻ sự yêu thương, đùm bọc giữa các thành viên trong gia đình...
MT60	Tên, địa chỉ của trường,	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhớ tên, địa chỉ của trường, lớp và

	lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô, bác ở trường.	một số công việc của cô giáo và các cô, bác trong trường. - Giáo dục trẻ luôn tôn trọng và kính yêu, lễ phép với cô giáo và các cô, bác trong trường.
MT61	Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường, ở lớp.	- Trẻ nhớ tên, nhận biết các đặc điểm trên cơ thể như: tóc, cao – thấp, gầy – mập, tóc dài – tóc ngắn.... - Nhận xét sự giống và khác nhau giữa bạn trai và bạn gái.
b. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương		
MT62	Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.	- Trẻ gọi tên, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương như: (nghề nông - nghề công nhân, nghề dạy học - Bác sĩ, ...) khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh. - Biết tạo hình mô phỏng một công cụ hay sản phẩm nào đó.
c. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh		
MT63	Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	- Kể tên và nói được một vài đặc điểm nổi bật của ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước, ở địa phương như: ngày tết cổ truyền Việt Nam. Ngày khai giảng, tết trung thu, ngày Quốc Khánh 2/9, 5/9 (ngày hội đến trường) .(Ngày nhà giáo Việt Nam: 20/11, 8/3, 30/4, 1/6....)...
MT64	Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	- Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, một vài đặc điểm nổi bật danh lam thắng cảnh ở địa phương...
III. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
1. Nghe hiểu lời nói		
MT65	Thực hiện được 2, 3 yêu	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công

	câu liên tiếp.	<p>dụng và các từ biểu cảm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biểu hiện sự cố gắng quan sát, nghe và thực hiện các qui định chung trong chế độ sinh hoạt của lớp (giơ tay khi muốn nói, chờ đến lượt, trả lời câu hỏi, chăm chú lắng nghe...). - Khi đến lớp giáo viên yêu cầu trẻ thực hiện chỉ dẫn và trẻ thực hiện được (ví dụ cất balô lên giá, cởi giày và vào lớp chơi cùng các bạn khác).
MT66	Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	<ul style="list-style-type: none"> - Nói được từ khái quát chỉ các vật (hoặc đồ vật) sau khi được xem vật thật hoặc tranh các vật (hoặc đồ vật) cùng loại và nghe nói mẫu từ khái quát chỉ các vật hoặc đồ vật nào đó. Ví dụ: Đưa ra trước mặt trẻ các đồ vật sau (có thể dùng tranh): Cốc, ca, li và chỉ vào các đồ vật đó nói: Đây là cái cốc, ca, li. Tất cả được gọi chung là đồ dùng để uống ... - Giải nghĩa một số từ với sự giúp đỡ của người khác. (Chó là một con vật có bốn chân)...
MT67	Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại: ví dụ (cô vừa kể cho các con nghe câu chuyện gì? Kể tên các con vật trong chuyện cho cô? Hay trong tranh có con vật gì...?trong bài thơ đã miêu tả đến ai, con vật gì... - Nghe các bài hát bài thơ, ca dao, đồng dao, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
MT68	Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ đọc thuộc được bài thơ, ca dao, đồng dao hò vè. - Trẻ đọc diễn cảm bài thơ, câu truyện, ca dao, đồng dao, hò vè.

		- Trẻ hiểu được nội dung bài thơ, câu truyện, ca dao, đồng dao, hò vè.
MT69	Nghe hiểu nội dung truyện kể, đọc truyện phù hợp với độ tuổi.	- Trẻ được nghe, hiểu về nội dung, tình tiết, nhân vật trong truyện phù hợp với độ tuổi. - Biết kể chuyện cùng cô.
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày		
MT 70	Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm đúng và rõ ràng. - Trả lời được theo ý của câu hỏi. - Nói với âm lượng vừa đủ, rõ ràng để người nghe có thể hiểu được.
MT71	Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	- Trẻ biết thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp thể hiện tính cách nhân vật theo lời dẫn truyện của giáo viên. - Thể hiện được các vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề... - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
MT72	Đóng kịch	- Trẻ đóng kịch theo khả năng của trẻ hay sự giúp đỡ của cô.
MT73	Kể chuyện có mở đầu kết thúc.	- Kể lại câu chuyện ngắn dựa vào trí nhớ hoặc qua truyện đã được cô giáo, bố mẹ kể hoặc đọc cho trẻ nghe với đầy đủ yếu tố (nhân vật, lời nói của các nhân vật, thời gian, địa điểm và diễn biến theo đúng trình tự nội dung của câu chuyện. Lời kể rõ ràng thể hiện qua cảm xúc, lời kể và cử chỉ, nét mặt.
MT74	Sử dụng các từ lễ phép trong giao tiếp.	- Biết sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa... trong giao tiếp. - Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp - Biết chào hỏi, mời cô, mời bạn...
MT75	Điều chỉnh giọng nói phù	- Biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn

	hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	cảnh nói nhẹ nhàng, nói với âm lượng vừa đủ trong giao tiếp.
3. Làm quen với việc đọc – viết		
MT76	Chọn sách để xem.	<ul style="list-style-type: none"> - Biết chọn sách tranh truyện để xem. - Thể hiện sự thích thú với sách. Trẻ mang sách, truyện đến và yêu cầu người khác đọc cho nghe, hỏi, trao đổi về chuyện được nghe, đọc.
MT77	Mô tả các hành động của các nhân vật trong tranh.	<ul style="list-style-type: none"> - Biết mô tả các hành động của các nhân vật trong tranh theo khả năng của trẻ.
MT78	Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”)	<ul style="list-style-type: none"> - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Biết cách mở, xem tranh trong sách đúng chiều mở lật sách. Xem tranh và kể truyện theo tranh. - Biết đọc sách từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.
MT79	Nhận dạng một số chữ cái.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhận dạng một số chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt dưới sự giúp đỡ của cô.
MT80	Tập tô, tập đồ các nét chữ.	<ul style="list-style-type: none"> - Cầm bút và ngồi đúng cách. - Biết tập tô, tập đồ các nét trong vui chơi và các hoạt động hàng ngày. - Cho trẻ làm quen với các nét chữ cơ bản: nét thẳng, nét ngang, xiên trái, xiên phải, cong tròn khép kín, nét móc xuôi.
MT81	Giữ gìn, bảo vệ sách	<ul style="list-style-type: none"> - Để sách đúng nơi qui định. - Giữ gìn sách: không ném, vẽ bậy, xé, làm nhăn, nhàu, hỏng sách, ngồi, dẫm,.. lên sách. - Có thái độ tốt đối với sách.(buồn, không đồng tình khi bạn làm hỏng sách; áy náy lo lắng khi nhìn thấy sách bị hỏng, rách,...)
MT82	Nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống:	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối

	nhà vệ sinh , cấm lửa, nói như hiểm	ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)
MT83	Biết hướng viết của các nét chữ	Hướng đọc viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới Làm quen với hướng viết các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu
MT84	Trẻ biết sử dụng kí hiệu để viết: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng.	- Trẻ có thể viết lại những trải nghiệm của mình qua những bức tranh hay biểu tượng đơn giản và sẵn sàng chia sẻ với người khác. - Giả vờ đọc và sử dụng ký hiệu chữ viết và các ký hiệu khác để biểu lộ ý muốn, suy nghĩ - Yêu cầu người lớn viết lời chuyện do trẻ tự nghĩ dưới tranh vẽ.
IV. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI		
1. Phát triển tình cảm		
a. Thể hiện ý thức về bản thân		
MT85	Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	- Trẻ biết giới thiệu về bản thân. - Họ và tên trẻ, tuổi, giới tính. - Sở thích, khả năng của bản thân. - Biết và nói được tên bố, tên mẹ.
MT86	Nói được điều bé thích, không thích những việc gì bé có thể làm được.	- Trẻ nói được sở thích của bản thân. VD. Con thích chơi bán hàng, thích nghe kể chuyện - Trẻ nói được điều thích, không thích những việc gì bé có thể làm được.
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực		
MT87	Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích	- Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích của trẻ. - Biết giữ gìn đồ dùng đồ chơi, đoàn kết khi tham gia vào trò chơi.
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh		

MT88	Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt cử chỉ giọng nói, tranh ảnh.	- Trẻ nhận biết và nói được một số trạng thái cảm xúc của người khác : Vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua nét mặt, cử chỉ, điệu bộ khi tiếp xúc trực tiếp, hoặc qua tranh, ảnh.
MT89	Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi, đọc thơ, kể chuyện, hát, vận động, vẽ, nặn, xếp hình.	- Trẻ thể hiện những trạng thái cảm xúc của bản thân: Vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua lời nói, nét mặt, cử chỉ, và điệu bộ trò chơi, đọc thơ, kể chuyện, hát, vận động, vẽ, nặn, xếp hình...trong các hoạt động.
MT90	Kính yêu Bác Hồ	- Xem tranh ảnh Bác Hồ. - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua bài hát, bài thơ, câu chuyện về Bác Hồ.
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		
MT91	Một số quy định ở lớp và gia đình và cộng đồng.	- Biết thực hiện một số quy định ở lớp và gia đình và cộng đồng như: Đẻ đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường... - Biết giúp đỡ cô giáo, ông bà, bố mẹ, bạn bè. - Tôn trọng, yêu thương người lớn và các em nhỏ, biết nhường em.
MT92	Biết nói lời nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép với người lớn. - Phân biệt được tốt, xấu; đúng, sai.
MT93	Chờ đến lượt, hợp tác	- Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động. - Trong các trường hợp đông người, trẻ biết xếp hàng, vui vẻ (kiên nhẫn) chờ đến lượt. - Không chen ngang, không xô đẩy người khác. - Không tranh nói trước khi trò chuyện

		trong nhóm.
MT94	Quan tâm, giúp đỡ bạn.	- Không đánh bạn, không dành giật của bạn, không la hét hoặc nằm ăn vạ. Yêu mến bạn, an ủi, dỗ dành bạn,... - Vui vẻ chia sẻ đồ chơi với bạn.
MT95	Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Trẻ biết lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.
MT96	Biết trao đổi thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung(chơi, trực nhật...)	- Biết trình bày ý kiến của mình với các bạn. - Biết dùng lời để trao đổi hoặc biết nhờ đến sự giúp đỡ. - Biết thỏa thuận dựa trên sự hiểu biết về quyền của mình và nhu cầu của bạn.
MT97	Phân biệt hành vi “đúng”- “sai”, “tốt” - “xấu”.	- Phân biệt, mô tả được các hành vi đúng / sai trong ứng xử trong giao tiếp với môi trường xung quanh.

5. Quan tâm đến môi trường

MT98	Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Thích quan sát, thích được chăm sóc bảo vệ, cây trồng, vật nuôi (bón phân, nhổ cỏ, tưới nước, nhặt lá vàng, cho các con vật ăn (gà, vịt,..)
MT99	Không bẻ cành, bứt hoa.	- Trẻ không bẻ cành, bứt hoa làm ảnh hưởng đến cảnh quang môi trường.
MT100	Tiết kiệm điện, nước.	Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt tắt điện khi ra khỏi phòng.

V. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ

1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật

MT101	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và các	- Vui sướng, vỗ tay, nói lời cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng. (như màu sắc, hình dáng...)
--------------	--	--

	tác phẩm nghệ thuật.	
MT102	Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	- Trẻ nghe và cảm nhận, thể hiện được nhịp điệu bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, nghe kể câu chuyện... - Nhận ra các loại nhạc như: (nhạc thiếu nhi, dân ca, quốc tế,...) tục ngữ, ca dao, hò, vè...
MT103	Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của tác phẩm tạo hình.	- Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình về màu sắc, hình dáng...của tác phẩm tạo hình. - Trẻ biết yêu cái đẹp, biết tạo ra cái đẹp.
2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình		
MT104	Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca).	- Trẻ nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau, tỏ ra thích thú khi nghe những giai điệu dân ca, nhạc thiếu nhi... - Biết thể hiện cử chỉ qua lời bài hát dân ca, thiếu nhi...
MT105	Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	- Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc. - Biết thể hiện cử chỉ qua lời bài hát. - Trẻ cảm nhận được nội dung của bài hát
MT106	Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của bài hát, bản nhạc.	- Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc. (Vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa...).
MT107	Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	- Biết sử dụng 1 số dụng cụ âm nhạc như kèn, trống, sắc xô, gõ... theo phách, nhịp, tiết tấu. - Biết tên gọi 1 số dụng cụ đó.
MT108	Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra	- Trẻ biết phối hợp và sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên sẵn có để tạo ra sản phẩm.

	sản phẩm.	
MT109	Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các kĩ năng vẽ, tô màu để tạo ra sản phẩm có màu sắc, hình dáng/đường nét.(theo mẫu, theo đề tài, theo ý thích). - Vẽ, tô màu các nét thẳng, xiên, ngang, cây, nhà, đồ vật, đồ chơi, con vật, vẽ mưa.
MT110	Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong,..và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các kĩ năng xé, cắt để tạo ra sản phẩm đơn giản. - Xé theo dải, xé vụn. - Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản. - Xé hình vuông, tam giác, hình chữ nhật, hình tròn, theo sự giúp đỡ của cô giáo... - Dán đúng vị trí để tạo thành sản phẩm có bố cục hợp lí, đẹp mắt.
MT111	Làm lốm, dốt bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các kĩ năng nặn để tạo ra sản phẩm. - Nặn bánh, hình tròn, hình vuông, nặn các loại quả....
MT112	Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Biết đưa ra nhận xét sản phẩm tạo hình của bản thân và của bạn khác.
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật		
MT113	Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc. - Vận động sáng tạo, theo ý thích khi hát, khi nghe bản nhạc quen thuộc.
MT114	Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát. - Sử dụng dụng cụ âm nhạc theo ý thích.
MT115	Tự lựa chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	- Sử dụng các kĩ năng để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét, bố cục theo ý thích của trẻ.

MT116	Nói tên ý tưởng tạo hình của mình.	<ul style="list-style-type: none"> - Biết nói lên ý tưởng tạo hình của mình. - Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình theo khả năng của trẻ, theo sự gợi ý của cô.
--------------	------------------------------------	--

CHỖI GHÉP

STT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
I. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
1. Phát triển vận động		
a. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp		
MT1	3 tuổi: Thực hiện đủ các động tác trong bài thể dục theo hướng dẫn.	<p>Hô hấp: Hít vào, thở ra</p> <p>Tay:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). - Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau và trên đầu) <p>Lưng, bụng, lườn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cúi về phía trước, ngửa ra sau. - Quay sang trái, sang phải. - Nghiêng người sang trái, sang phải. <p>Chân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhún chân. - Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. - Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.
	4 tuổi: Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	
b. Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động		
MT2	3 tuổi: Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi.	<ul style="list-style-type: none"> - Đi bằng gót chân. - Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vạch chuẩn. - Đi khụy gối. - Đi lùi trên sàn
	4 tuổi: Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi.	

MT3	3 tuổi: Kiểm soát được vận động chạy.	- Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Chạy 15m trong khoảng 10 giây.
	4 tuổi: Kiểm soát được vận động chạy	- Chạy chậm 60- 80 m.
MT4	3 tuổi: Phối hợp tay- mắt trong vận động tung – bắt bóng.	- Đập và bắt bóng tại chỗ. - Tung bắt bóng với người đối diện: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3m).
	4 tuổi: Phối hợp tay- mắt trong vận động tung bắt bóng.	- Tung bóng lên cao và bắt bóng. - Chuyển và bắt bóng qua đầu, qua chân.
MT5	3 tuổi: Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập ném.	- Ném trúng đích bằng 1 tay. - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.
	4 tuổi: Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập ném.	
MT6	3 tuổi: Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập bò.	- Bò bằng bàn tay, bàn chân 3 - 4m. - Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m.
	4 tuổi: Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập bò.	- Bò đích dắc qua 5 điểm.
MT7	3 tuổi: Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập bật- nhảy.	- Bật liên tục về phía trước. - Bật xa 35 - 40cm. - Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. - Nhảy lò cò 3m.
	4 tuổi: Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập bật - nhảy	- Bật nhảy từ trên cao xuống (cao 30 – 40 cm). - Bật qua vật cản cao 10-15cm
MT8	3 tuổi: Phối hợp tay- mắt trong vận động trườn.	- Trườn theo hướng thẳng. - Trèo qua ghế dài 15mx30m
	4 tuổi: Phối hợp tay- mắt trong vận động trườn.	- Trèo lên xuống 5 giống thang

MT9	3 tuổi: Thực hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp	- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Đi, chạy thay đổi hướng theo đường đích đích.
	4 tuổi: Thực hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp	- Ném xa bằng 1 tay, 2 tay
c. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ		
MT10	3 tuổi: Xoay tròn cổ tay.	- Vo, xoắn, xoáy, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn nôi...
	4 tuổi: Thực hiện được các vận động: Cuộn, xoay tròn cổ tay.	
MT11	3 tuổi: Gập, đan ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.	- Gập đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan, tết.
	4 tuổi: Thực hiện được các vận động: Gập, mở các ngón tay.	- Gập vào mở các ngón tay. - Gập giấy.
MT12	3 tuổi: Xếp chồng 8-10 khối không đồ.	- Trẻ biết xếp chồng 8 – 10 khối gỗ không đồ.
	4 tuổi: Xây dựng, lắp ráp với 10-12 khối hình.	- Xây dựng, lắp ráp trường học, người, nhà, ô tô, xe, đập, thuyền buồm, bến tàu, chuồng, trại, biển báo giao thông, doanh trại bộ đội, lăng Bác Hồ,... - Trẻ biết xếp chồng 10 – 12 khối gỗ không đồ. - Xếp theo khả năng của trẻ.
MT 13	3 tuổi: Biết tết sợi đôi dưới sự hướng dẫn của cô.	- Trẻ thực hiện được thao tác tết sợi đôi.
	4 tuổi: Biết tết sợi đôi.	
MT14	3 tuổi: Tự cài, cởi cúc.	- Cài, cởi cúc, kéo khóa, mặc áo, cởi áo. - Cài, cởi cúc, kéo khóa, mặc áo, khâu
	4 tuổi: Tự cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.	

		hạt, buộc dây.
2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
a. Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe		
MT15	3 tuổi: Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc.	- Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật, tranh ảnh như: Thịt, cá trứng, sữa, rau....
	4 tuổi: Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm.	- Trẻ biết một số nhóm thực phẩm cùng nhóm: Thịt, cá, trứng có nhiều chất đạm - Rau, quả chín có nhiều vitamin...
MT16	3 tuổi: Biết tên một số món ăn hằng ngày.	- Biết tên một số món ăn hàng ngày như: Trứng rán, cá kho, canh rau...
	4 tuổi: Nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản.	- Biết tên một số món ăn hàng ngày như: Trứng rán, thịt kho, canh rau... - Nhận biết dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...
MT17	3 tuổi: Biết ăn để chóng lớn khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Trẻ ăn hết khẩu phần ăn của mình. - Trẻ ăn nhiều món ăn khác nhau khi ở nhà, khi ở trên trường.
	4 tuổi: Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Ăn đầy đủ các nhóm thực phẩm. - Không kén chọn thức ăn. - Ăn hết suất ăn.
MT18	3 tuổi: Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống và bệnh tật.	- Giáo dục cho trẻ không uống nước lã ảnh hưởng đến sức khỏe (đau bụng, ỉa chảy). Uống nước đã đun sôi để nguội... - Không ăn các thức ăn, nước uống có hại: Có mùi hôi/chua/có màu lạ. Ví dụ các thức ăn ôi thiu, rau quả khi chưa

		<p>rửa sạch...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo dục trẻ không nên ăn quá nhiều bánh kẹo, nước uống có ga.
	<p>4 tuổi: Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kể được các thức ăn, nước uống có hại: Có mùi hôi /chua/có màu lạ. Ví dụ các thức ăn ôi thiu, nước lã, rau quả khi chưa rửa sạch... sẽ bị đau bụng và ỉa chảy. - Không ăn, uống những thức ăn đó.
<p>b. Thực hiện được 1 số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.</p>		
<p>MT19</p>	<p>3 tuổi: Đi vệ sinh đúng nơi quy định.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết đi vệ sinh đúng khu vực dành cho nam và cho nữ.
	<p>4 tuổi: Đi vệ sinh đúng nơi quy định.</p>	
<p>MT20</p>	<p>3 tuổi: Làm quen với cách đánh răng, lau mặt.</p>	<p>Thực hiện được với sự giúp đỡ của người lớn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự chải răng, rửa mặt, súc miệng. - Gọn: không vẩy nước ra ngoài, không ướt áo/quần.
	<p>4 tuổi: Tập đánh răng, lau mặt.</p>	
<p>MT21</p>	<p>3 tuổi: Tập rửa tay bằng xà phòng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết rửa tay theo quy trình 6 bước. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng theo quy trình 6 bước. - Tự rửa tay bằng xà phòng.
	<p>4 tuổi: Tự rửa tay bằng xà phòng.</p>	
<p>MT22</p>	<p>3 tuổi: Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách. - Trẻ biết cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không làm đổ cơm và thức ăn ra ngoài. - Tư thế ngồi thoải mái. - Trẻ biết cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không làm đổ cơm và thức ăn ra ngoài. - Tư thế ngồi thoải mái.
	<p>4 tuổi: Trẻ tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.</p>	
<p>MT23</p>	<p>3 tuổi: Biết thay quần áo khi bị ướt, bẩn dưới sự giúp đỡ của</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Khi quần áo bị ướt, bẩn trẻ lấy quần áo và thay hoặc nhờ sự giúp đỡ của

	người lớn.	người lớn.
	4 tuổi: Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	- Khi quần áo bị ướt, bẩn trẻ tự lấy quần áo và thay.
c. Có một số hành vi, thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe		
MT24	3 tuổi: Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định hoặc nhờ sự giúp đỡ của người lớn.	- Khi thấy rác trẻ biết nhặt rác và bỏ rác vào thùng rác.
	4 tuổi: Bỏ rác đúng nơi quy định.	
MT25	3 tuổi: Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở.	- Biết mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và nhiều loại thức ăn khác nhau.
	4 tuổi: Có một số hành vi tốt trong ăn uống.	- Không uống nước lã.
MT26	3 tuổi: Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	- Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.
	4 tuổi: Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	- Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.
d. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh		
MT27	3 tuổi: Biết tránh nơi nguy hiểm	- Biết tránh nơi nguy hiểm như: Hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố sâu... khi được nhắc nhở
	4 tuổi: Biết tránh một số nơi nguy hiểm.	- Giáo dục cho trẻ không được lại gần những nơi nguy hiểm như: Ổ điện, bếp đang đun, phích nước nóng,...
MT28	3 tuổi: Biết tránh một số hành động nguy hiểm.	- Không cười đùa trong khi ăn, uống, hoặc khi ăn các loại quả có hạt.
	4 tuổi: Biết một số hành động	- Không tự lấy thuốc uống

	nguy hiểm và phòng tránh.	<ul style="list-style-type: none"> - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn - Không xem ti vi ở khoảng cách quá gần.
MT29	3 tuổi: Không tự ý uống thuốc.	- Không tự ý lấy thuốc và uống thuốc khi người lớn không cho phép.
	4 tuổi: Không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.	
MT30	3 tuổi: Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	<ul style="list-style-type: none"> - Không nghịch các vật sắc nhọn - Không bỏ vật nhỏ vào mũi, tai, miệng
	4 tuổi: Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	
MT31	3 tuổi: Trẻ biết nhận ra một số trường hợp nguy hiểm dưới sự giúp đỡ của người lớn và gọi người giúp đỡ.	<ul style="list-style-type: none"> - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc.
	4 tuổi: Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.	
II. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
1. Khám phá khoa học		
a. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng		
MT32	3 tuổi: Quan tâm, hứng thú đến các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Thích những cái mới (đồ chơi, đồ vật, trò chơi, hoạt động mới) - Hay đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lại bị ướt?....
	4 tuổi: Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo.	

MT33	3 tuổi: Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu các đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ... để nhận ra đặc điểm nổi bật của các đối tượng.	- Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát khám phá: Như cầm, nắm, ngửi, sờ, nhìn... - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại của con người.
	4 tuổi: Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Đặc điểm công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi và các hiện tượng xung quanh. - Một vài đặc điểm, tính chất của nước, đất, đá, cát, sỏi...
MT34	3 tuổi: Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng.	- Biết thực hiện, trải nghiệm 1 số bài thí nghiệm, đưa ra ý kiến nhận xét, so sánh... - Làm thí nghiệm vật chìm vật nổi.
	4 tuổi: Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	- Làm thí nghiệm các loại nước, pha màu, muối đường hòa tan trong nước...
MT35	3 tuổi: Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu nổi bật.	- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu.
	4 tuổi: Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	- Tên gọi, đặc điểm, công dụng của một số đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu.
MT36	3 tuổi: Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	- Gọi tên một số loại đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm bên ngoài của đồ dùng, đồ chơi.
	4 tuổi: Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	- Công dụng cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi.
MT37	3 tuổi: Tên, đặc điểm, công	- Trẻ gọi tên, đặc điểm công dụng của

	<p>dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.</p> <p>4 tuổi: Đặc điểm, công dụng của 1 số phương tiện giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu.</p>	<p>một số phương tiện giao thông, biển báo giao thông, luật lệ giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu.</p> <p>- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 phương tiện giao thông,...</p>
MT38	<p>3 tuổi: Đặc điểm nổi bật và lợi ích của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc</p>	<p>- Gọi tên, hoa, quả con vật, cây cối gần gũi xung quanh.</p> <p>- Biết được đặc điểm bên ngoài của con vật, hoa, quả gần gũi, lợi ích và tác hại đối với con người.</p> <p>- Phân loại, so sánh sự giống nhau và khác nhau của cây, con vật, hoa, quả...theo 1-2 dấu hiệu.</p> <p>- Giáo dục trẻ cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.</p>
	<p>4 tuổi: Đặc điểm bên ngoài của con vật, hoa, quả gần gũi, lợi ích và tác hại đối với con người.</p>	
MT39	<p>3 tuổi: Nhận biết và so sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.</p>	<p>- Nhận biết được sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.</p> <p>- So sánh được sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.</p>
	<p>4 tuổi: So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.</p>	
MT40	<p>3 tuổi: Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.</p>	<p>- Trẻ nhận biết ban ngày: Trời sáng, sinh hoạt của con người, con vật, cây.</p> <p>- Trẻ biết ban đêm: Trời tối.</p> <p>- Sự khác nhau giữa ngày và đêm.</p>
	<p>4 tuổi: Sự khác nhau giữa ngày và đêm.</p>	
MT41	<p>3 tuổi: Lợi ích của nước với đời sống của con người, con vật, cây.</p>	<p>- Nhận biết một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày.</p> <p>- So sánh 2-3 nguồn nước.</p> <p>- Một số đặc điểm, tính chất của nước.</p> <p>- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.</p> <p>- Nước có ích lợi đối với đời sống con</p>
	<p>4 tuổi: Ích lợi của nước với đời sống của con người, con vật và cây.</p>	

		người, con vật, cây
MT42	3 tuổi: Lợi ích của nước với đời sống của con người, con vật, cây.	- Nhận biết một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày. - So sánh 2-3 nguồn nước.
	4 tuổi: Một số đặc điểm, tính chất của nước.	- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Nước có lợi ích đối với đời sống con người, con vật, cây. - Gọi tên và nêu được đặc điểm, tính chất của nước. - Nêu được khác biệt cơ bản của các nguồn nước.
MT43	3 tuổi: Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	- Mô tả đối tượng, được quan sát với sự gợi mở của cô giáo. - Chơi đóng vai bắt chước các hành động của những người gần gũi như: chuẩn bị bữa ăn của mẹ, bác sĩ khám bệnh....
	4 tuổi: Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau các đối tượng được quan sát.	- Biết đưa ra nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau các đối tượng được quan sát như đặc điểm bên ngoài của các sự vật hiện tượng, các con vật gần gũi, ích lợi và tác hại của chúng đối với con người
MT44	3 tuổi: Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.	- Một số hiện tượng thời tiết các ngày trong tuần. - Nhận biết dấu hiệu của các mùa
	4 tuổi: Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của của nó đến sinh hoạt của con người.	trong năm và ảnh hưởng của của nó đến sinh hoạt của con người. - Biết Tây Nguyên có 2 mùa rõ rệt và ảnh hưởng của của nó đến sinh hoạt của con người.
b. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản		

MT45	3 tuổi: Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Nhận xét thảo luận được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. - Nêu được nguyên nhân dẫn đến hiện tượng đó.
	4 tuổi: Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi.	Ví dụ: Cho thêm đường / muối nên nước ngọt / mặn hơn.
MT46	3 tuổi: Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản dưới sự gợi ý của người lớn.	- Biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn. Ví dụ: “làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn”,...
	4 tuổi: Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.	- Trẻ tự giải quyết vấn đề theo khả năng của trẻ.
2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán		
a. Tập hợp số lượng, số thứ tự và đếm		
MT47	3 tuổi: Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5. - Sử dụng các số từ 1- 5 để chỉ số lượng các số thứ tự. - Đếm và nói đúng số lượng đến 5 (hạt na, cái cúc, hạt nhựa, con vật, bông hoa, cây,...)
	4 tuổi: Quan tâm đến chữ số, lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?.	- Đọc được các chữ số từ 1 đến 5 và chữ số 0. - Chọn thẻ chữ số tương ứng (hoặc viết) với số lượng đã đếm được. - Đếm số lượng theo khả năng trẻ.
MT48	3 tuổi: Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng của trẻ. Một và nhiều.
	4 tuổi: - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.

	khả năng.	- Đếm số lượng trên tranh, ảnh, đồ dùng, đồ chơi... - Đếm theo khả năng của trẻ.
MT49	3 tuổi: So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5. (Theo khả năng của trẻ) - Nói được nhóm nào có số lượng nhiều hơn / ít hơn/ bằng nhau.
	4 tuổi: So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. - Đếm theo khả năng của trẻ.
MT50	3 tuổi: Biết gộp và đếm 2 nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5	- Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5. - Kiểm tra, đếm và nói kết quả.
	4 tuổi: Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	
MT51	3 tuổi: Tách 1 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm.	Tách 5 đồ vật (hạt na, cái xúc, hạt nhựa...) thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau.
	4 tuổi: Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	
MT52	3 tuổi: Xếp tương ứng.	Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.
	4 tuổi: Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.	
b. Sắp xếp theo quy tắc		
MT55	3 tuổi: Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp theo quy tắc 1-1,2-2,3-3, 1-2,1-3,2-3... - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.
	4 tuổi: Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và	

	sao chép lại.	- Xếp xen kẽ.
c. So sánh hai đối tượng		
MT54	3 tuổi: So sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn, nhỏ hơn, dài hơn, ngắn hơn, cao hơn, thấp hơn, bằng nhau.	- Trẻ biết so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn, nhỏ hơn, dài hơn, ngắn hơn, cao hơn, thấp hơn, bằng nhau. - Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo của 2 đối tượng.
	4 tuổi: Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo dung tích bằng 1 đơn vị đo. - Nói đúng kết quả đo.
d. Nhận biết hình dạng		
MT55	3 tuổi: Nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Gọi tên được hình tròn và tam giác, hình vuông và chữ nhật - So sánh được sự giống nhau và khác nhau giữa hai hình tròn và tam giác, hình vuông và chữ nhật.
	4 tuổi: Chỉ ra các điểm giống và khác nhau giữa hai hình (hình tròn và tam giác, hình vuông và chữ nhật)	
MT56	3 tuổi: Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản dưới sự gợi ý của người lớn.	- Sử dụng các nguyên vật liệu sẵn có để tạo thành các hình đơn giản: Que tính, cành cây khô, lá cây... - Gọi tên các hình đã tạo được.
	4 tuổi: Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	
e. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian		
MT57	3 tuổi: Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân như: phía trước, phía sau, phải trái...
	4 tuổi: Xác định vị trí của đồ	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành

	vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau, phía trên - phía dưới phía phải - phía trái)	động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân như: phía trước - phía sau, phía trên - phía dưới phía phải - phía trái.
MT58	3 tuổi: Nhận ra được các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày theo sự giúp đỡ của cô.	Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày theo sự giúp đỡ của cô như: buổi sáng từ 6-10h; trưa từ 11h-13h; buổi chiều 13h30- 17h, tối từ 18h...
	4 tuổi: Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	
3. Khám phá xã hội		
a. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng		
MT59	3 tuổi: Nói tên bố mẹ các thành viên trong gia đình và địa chỉ gia đình mình.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nói được tên bố mẹ các thành viên trong gia đình, nói được ai là người sinh ra bố mẹ, sinh ra các con. - Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình. - Trẻ nhớ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ, một số nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình. - Giáo dục trẻ sự yêu thương, đùm bọc giữa các thành viên trong gia đình...
	4 tuổi: Nói họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.	
MT60	3 tuổi: Nói tên trường, lớp, cô giáo và một số công việc của cô giáo khi được hỏi, trò chuyện.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhớ tên, địa chỉ của trường, lớp và một số công việc của cô giáo và các cô, bác trong trường. - Giáo dục trẻ luôn tôn trọng và kính yêu, lễ phép với cô giáo và các cô, bác trong trường.
	4 tuổi: Tên, địa chỉ của trường, lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô, bác ở trường.	
MT61	3 tuổi: Nói tên các bạn, đồ	- Trẻ nói tên các bạn, đồ dùng, đồ

	dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.	chơi, các hoạt động ở trường khi được hỏi, trò chuyện.
	4 tuổi: Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường, ở lớp.	- Biết giữ gìn và bảo vệ đồ dùng, đồ chơi. - Trẻ nhớ tên, nhận biết các đặc điểm trên cơ thể như : tóc, cao – thấp, gầy – mập, tóc dài – tóc ngắn... - Nhận xét sự giống và khác nhau giữa bạn trai và bạn gái.
b. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương		
MT62	3 tuổi: Kể tên và nói được sản phẩm một số nghề phổ biến nơi trẻ sống.	- Trẻ gọi tên, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương như: (nghề nông - nghề công nhân, nghề dạy học - Bác sĩ,...) khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh. - Biết tạo hình mô phỏng một công cụ hay sản phẩm nào đó.
	4 tuổi: Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.	
c. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh		
MT63	3 tuổi: Kể tên một số lễ hội qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Kể tên và nói được một vài đặc điểm nổi bật của ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước, ở địa phương như: ngày tết cổ truyền Việt Nam. Ngày khai giảng, tết trung thu , ngày Quốc Khánh 2/9, 5/9(ngày hội đến trường) .(Ngày nhà giáo Việt Nam: 20/11, 8/3, 30/4, 1/6....)...
	4 tuổi: Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	
MT64	3 tuổi: Kể tên một vài danh lam thắng cảnh ở địa phương.	- Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, một vài đặc điểm nổi bật danh lam thắng cảnh ở địa phương...
	4 tuổi: Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	
III. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
1. Nghe hiểu lời nói		

MT65	3 tuổi: Thực hiện được yêu cầu đơn giản.	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và làm theo 1-2 yêu cầu. - Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.
	4 tuổi: Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.	<ul style="list-style-type: none"> - Biểu hiện sự cố gắng quan sát, nghe và thực hiện các qui định chung trong chế độ sinh hoạt của lớp (giơ tay khi muốn nói, chờ đến lượt, trả lời câu hỏi, chăm chú lắng nghe...). - Khi đến lớp giáo viên yêu cầu trẻ thực hiện chỉ dẫn và trẻ thực hiện được (ví dụ cất balô lên giá, cởi giày và vào lớp chơi cùng các bạn khác).
MT66	3 tuổi: Hiểu nghĩa của các từ gần gũi	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết sử dụng các từ có nghĩa đơn giản, gần gũi như: quần áo, đồ chơi, hoa, quả.
	4 tuổi: Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	<ul style="list-style-type: none"> - Nói được từ khái quát chỉ các vật (hoặc đồ vật) sau khi được xem vật thật hoặc tranh các vật (hoặc đồ vật) cùng loại và nghe nói mẫu từ khái quát chỉ các vật hoặc đồ vật nào đó. Ví dụ: Đưa ra trước mặt trẻ các đồ vật sau (có thể dùng tranh): Cốc, ca, li và chỉ vào các đồ vật đó nói: Đây là cái cốc, ca, li. Tất cả được gọi chung là đồ dùng để uống ... - Giải nghĩa một số từ với sự giúp đỡ của người khác. (Chó là một con vật có bốn chân)...
MT67	3 tuổi: Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại: ví dụ (cô vừa kể cho các con nghe câu chuyện gì? Kể tên các con vật trong chuyện cho cô? Hay trong tranh có con vật
	4 tuổi: Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	

		<p>gì....? trong bài thơ đã miêu tả đến ai, con vật gì...</p> <p>- Nghe các bài hát bài thơ, ca dao, đồng dao, hò, vè phù hợp với độ tuổi.</p>
MT68	3 tuổi: Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	<p>- Trẻ đọc thuộc được bài thơ, ca dao, đồng dao hò vè.</p> <p>- Trẻ đọc diễn cảm bài thơ, câu truyện, ca dao, đồng dao, hò vè.</p>
	4 tuổi: Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	<p>- Trẻ hiểu được nội dung bài thơ, câu truyện, ca dao, đồng dao, hò vè.</p>
MT69	3 tuổi: Lắng nghe và hiểu nội dung truyện kể, đọc truyện phù hợp với độ tuổi dưới sự giúp đỡ của cô giáo.	<p>- Trẻ được nghe, hiểu về nội dung, tình tiết, nhân vật trong truyện phù hợp với độ tuổi.</p> <p>- Biết kể chuyện cùng cô.</p>
	4 tuổi: Nghe hiểu nội dung truyện kể, đọc truyện phù hợp với độ tuổi.	
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày		
MT 70	3 tuổi: Nói rõ các tiếng.	<p>- Phát âm đúng và rõ ràng.</p>
	4 tuổi: Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	<p>- Trả lời được theo ý của câu hỏi.</p> <p>- Nói với âm lượng vừa đủ, rõ ràng để người nghe có thể hiểu được.</p>
MT71	3 tuổi: Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	<p>- Trẻ biết thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp thể hiện tính cách nhân vật theo lời dẫn truyện của giáo viên.</p> <p>- Thể hiện được các vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề...</p>
	4 tuổi: Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	<p>- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.</p>
MT72	3 tuổi: Đóng vai theo lời dẫn truyện của giáo viên.	<p>- Trẻ đóng kịch theo khả năng của trẻ hay sự giúp đỡ của cô.</p>
	4 tuổi: Đóng kịch	
MT73	3 tuổi: Kể lại truyện đơn giản	<p>- Kể lại câu chuyện ngắn dựa vào trí</p>

	<p>đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.</p>	<p>nhớ hoặc qua truyện đã được cô giáo, bố mẹ kể hoặc đọc cho trẻ nghe với đầy đủ yếu tố (nhân vật, lời nói của các nhân vật, thời gian, địa điểm và diễn biến theo đúng trình tự nội dung của câu chuyện.</p> <p>Lời kể rõ ràng thể hiện qua cảm xúc, lời kể và cử chỉ, nét mặt.</p>
	<p>4 tuổi: Kể chuyện có mở đầu kết thúc.</p>	
MT74	<p>3 tuổi: Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.</p>	<p>- Biết sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa... trong giao tiếp.</p> <p>- Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp</p> <p>- Biết chào hỏi, mời cô, mời bạn...</p>
	<p>4 tuổi: Sử dụng các từ lễ phép trong giao tiếp.</p>	
MT75	<p>3 tuổi: Nói đủ nghe, không nói lí nhí.</p>	<p>- Phát âm đúng và rõ ràng những điều muốn nói để người khác có thể hiểu được.</p> <p>- Sử dụng lời nói dễ dàng, thoải mái, nói với âm lượng vừa đủ trong giao tiếp</p>
	<p>4 tuổi: Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.</p>	
<p>3. Làm quen với việc đọc – viết</p>		
MT76	<p>3 tuổi: Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.</p>	<p>- Biết chọn sách tranh truyện để xem.</p> <p>- Thể hiện sự thích thú với sách. Trẻ mang sách, truyện đến và yêu cầu người khác đọc cho nghe, hỏi, trao đổi về chuyện được nghe, đọc.</p>
	<p>4 tuổi: Chọn sách để xem.</p>	
MT77	<p>3 tuổi: Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên các nhân vật trong tranh.</p>	<p>- Biết gọi tên các nhân vật trong tranh theo khả năng của trẻ.</p> <p>- Biết mô tả các hành động của các nhân vật trong tranh theo khả năng của trẻ.</p>
	<p>4 tuổi: Mô tả các hành động của các nhân vật trong tranh.</p>	

MT78	3 tuổi: Cầm sách đúng chiều mở sách, xem tranh và đọc truyện.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Biết cách mở, xem tranh trong sách đúng chiều mở lật sách. Xem tranh và kể truyện theo tranh.
	4 tuổi: Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”)	- Biết đọc sách từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.
MT79	3 tuổi: Tiếp xúc với chữ, sách truyện.	- Trẻ nhận dạng một số chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt dưới sự giúp đỡ của cô.
	4 tuổi: Nhận dạng một số chữ cái.	
MT80	3 tuổi: Thích vẽ, viết nguệch ngoạc.	- Cầm bút và ngồi đúng cách. - Biết tập tô, tập đồ các nét trong vui chơi và các hoạt động hàng ngày. - Vẽ, viết nguệch ngoạc theo ý thích.
	4 tuổi: Tập tô, tập đồ các nét chữ.	
MT81	3 tuổi: Giữ gìn sách	- Để sách đúng nơi qui định. - Giữ gìn sách: không ném, vẽ bậy, xé, làm nhăn, nhàu, hỏng sách, ngồi, dẫm,.. lên sách. - Có thái độ tốt đối với sách.(buồn, không đồng tình khi bạn làm hỏng sách; áy náy lo lắng khi nhìn thấy sách bị hỏng, rách,...)
	4 tuổi: Giữ gìn, bảo vệ sách	
MT82	3 tuổi: Nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nói như hiểm	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...) Hướng đọc viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới Làm quen với hướng viết các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu
	4 tuổi: Nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nói như hiểm	
MT83	3 tuổi: Chỉ được tiếng trong trang sách từ trái sang phải, từ trên xuống dưới.	- Trẻ có thể viết lại những trải nghiệm của mình qua những bức tranh hay biểu tượng đơn giản và sẵn sàng chia

	4 tuổi: Biết hướng viết của các nét chữ;	<p>sẽ với người khác.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giả vờ đọc và sử dụng ký hiệu chữ viết và các ký hiệu khác để biểu lộ ý muốn, suy nghĩ - Yêu cầu người lớn viết lời chuyện do trẻ tự nghĩ dưới tranh vẽ. - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)
MT84	3 tuổi: Trẻ biết sử dụng kí hiệu để viết: tên, thiệp chúc mừng khi được hướng dẫn.	<p>Hướng đọc viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới</p> <p>Làm quen với hướng viết các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu</p>
	4 tuổi: Trẻ biết sử dụng kí hiệu để viết: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng.	

IV. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI

1. Phát triển tình cảm

a. Thể hiện ý thức về bản thân

MT85	3 tuổi: Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết giới thiệu về bản thân. - Họ và tên trẻ, tuổi, giới tính.
	4 tuổi: Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	<ul style="list-style-type: none"> - Sở thích, khả năng của bản thân. - Biết và nói được tên bố, tên mẹ.
MT86	3 tuổi: Nói được điều bé thích, không thích.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nói được sở thích của bản thân. VD. Con thích chơi bán hàng, thích nghe kể chuyện
	4 tuổi: Nói được điều bé thích, không thích những việc gì bé có thể làm được.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nói được điều thích, không thích những việc gì bé có thể làm được.

2. Thể hiện sự tự tin, tự lực

MT87	3 tuổi: Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời các câu hỏi.	<ul style="list-style-type: none"> - Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời các câu hỏi khi được hỏi.
	4 tuổi: Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích	<ul style="list-style-type: none"> - Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao.(chia giấy, vẽ, xếp đồ

		<p>chơi...).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích của trẻ. - Biết giữ gìn đồ dùng đồ chơi, đoàn kết khi tham gia vào trò chơi.
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.		
MT88	3 tuổi: Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt cử chỉ giọng nói.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhận biết và nói được một số trạng thái cảm xúc của người khác : Vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua nét mặt, cử chỉ, điệu bộ khi tiếp xúc trực tiếp, hoặc qua tranh, ảnh.
	4 tuổi: Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt cử chỉ giọng nói, tranh ảnh.	
MT89	3 tuổi: Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi, đọc thơ, kể chuyện, hát, vận động.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ thể hiện những trạng thái cảm xúc của bản thân: Vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua lời nói, nét mặt, cử chỉ, và điệu bộ trò chơi, đọc thơ, kể chuyện, hát, vận động, vẽ, nặn, xếp hình...trong các hoạt động.
	4 tuổi: Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi, đọc thơ, kể chuyện, hát, vận động, vẽ, nặn, xếp hình.	
MT90	3 tuổi: Kính yêu Bác Hồ	<ul style="list-style-type: none"> - Xem tranh ảnh Bác Hồ. - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua bài hát, bài thơ, câu chuyện về Bác Hồ.
	4 tuổi: Kính yêu Bác Hồ	
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		
MT91	3 tuổi: Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình.	<ul style="list-style-type: none"> - Biết thực hiện một số quy định ở lớp và gia đình và cộng đồng như: Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường... - Biết giúp đỡ cô giáo, ông bà, bố mẹ,
	4 tuổi: Một số quy định ở lớp, gia đình và cộng đồng.	

		<p>bạn bè.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tôn trọng, yêu thương người lớn và các em nhỏ, biết nhường em.
MT92	3 tuổi: Biết chào hỏi, nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi khi được nhắc nhở.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép với người lớn. - Phân biệt được tốt, xấu; đúng, sai.
	4 tuổi: Biết nói lời nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	
MT93	3 tuổi: Chờ đến lượt	<ul style="list-style-type: none"> - Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động. - Trong các trường hợp đông người, trẻ biết xếp hàng, vui vẻ (kiên nhẫn) chờ đến lượt. - Không chen ngang, không xô đẩy người khác. - Không tranh nói trước khi trò chuyện trong nhóm.
	4 tuổi: Chờ đến lượt, hợp tác	
MT94	3 tuổi: Chơi hòa thân với bạn.	<ul style="list-style-type: none"> - Không đánh bạn, không giành giật của bạn, không la hét hoặc nằm ăn vạ. Yêu mến bạn, an ủi, dỗ dành bạn,... - Vui vẻ chia sẻ đồ chơi với bạn.
	4 tuổi: Quan tâm, giúp đỡ bạn.	
MT95	3 tuổi: Chú ý nghe khi cô nói, bạn nói.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.
	4 tuổi: Chú ý nghe khi cô, bạn nói. Không ngắt lời.	
MT96	3 tuổi: Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	<ul style="list-style-type: none"> - Biết chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ - Có ý thức chờ đợi đến lượt mình không chen lấn trong các hoạt động cũng như trò chơi. - Sẵn sàng trao đổi, hướng dẫn, giúp đỡ bạn trong hoạt động cùng nhóm - Biết trình bày ý kiến của mình với các bạn.
	4 tuổi: Biết trao đổi thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...)	

		<ul style="list-style-type: none"> - Biết dùng lời đề trao đổi hoặc biết nhờ đến sự giúp đỡ. - Biết thoả thuận dựa trên sự hiểu biết về quyền của mình và nhu cầu của bạn.
MT97	3 tuổi: Nhận biết hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”.	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được các hành vi đúng / sai trong ứng xử với môi trường xung quanh. - Phân biệt, mô tả được các hành vi đúng / sai trong ứng xử trong giao tiếp với môi trường xung quanh.
	4 tuổi: Phân biệt hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”.	
5. Quan tâm đến môi trường		
MT98	3 tuổi: Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	<ul style="list-style-type: none"> - Thích quan sát, thích được chăm sóc bảo vệ, cây trồng, vật nuôi (bón phân, nhổ cỏ, tưới nước, nhặt lá vàng, cho các con vật ăn (gà, vịt,..))
	4 tuổi: Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	
MT99	3 tuổi: Không bẻ cành bứt hoa dưới sự hướng dẫn của người lớn.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ không bẻ cành, bứt hoa làm ảnh hưởng đến cảnh quang môi trường.
	4 tuổi: Không bẻ cành, bứt hoa.	
MT100	3 tuổi: Biết Tiết kiệm điện, nước dưới sự hướng dẫn của người lớn.	<ul style="list-style-type: none"> - Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt tắt điện khi ra khỏi phòng.
	4 tuổi: Tiết kiệm điện, nước.	
V. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ		
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật		
MT101	3 tuổi: Biết bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và các	<ul style="list-style-type: none"> - Vui sướng, vỗ tay, nói lời cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng. (như màu sắc, hình dáng...)

	tác phẩm nghệ thuật.	
	4 tuổi: Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.	
MT102	3 tuổi: Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nghe và cảm nhận, thể hiện được nhịp điệu bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, nghe kể câu chuyện... - Nhận ra các loại nhạc như: (nhạc thiếu nhi, dân ca, quốc tế,...) tục ngữ, ca dao, hò, vè...
	4 tuổi: Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	
MT103	3 tuổi: vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của tác phẩm tạo hình.	<ul style="list-style-type: none"> - Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình về màu sắc, hình dáng... của tác phẩm tạo hình. - Trẻ biết yêu cái đẹp, biết tạo ra cái đẹp.
	4 tuổi: Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của tác phẩm tạo hình.	
2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình		
MT104	3 tuổi: Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca).	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ lắng nghe và tỏ ra thích thú khi nghe những giai điệu dân ca, nhạc thiếu nhi.
	4 tuổi: Nghe và nhận ra các	

	loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca).	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau, tỏ ra thích thú khi nghe những giai điệu dân ca, nhạc thiếu nhi... - Biết thể hiện cử chỉ qua lời bài hát dân ca, thiếu nhi...
MT105	3 tuổi: Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.	<ul style="list-style-type: none"> - Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.
	4 tuổi: Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	<ul style="list-style-type: none"> - Biết thể hiện cử chỉ qua lời bài hát. - Trẻ cảm nhận được nội dung của bài hát
MT106	3 tuổi: Vận động đơn giản theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc.	<ul style="list-style-type: none"> - Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc. (Vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa...).
	4 tuổi: Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của bài hát, bản nhạc.	
MT107	3 tuổi: Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.	<ul style="list-style-type: none"> - Biết sử dụng 1 số dụng cụ âm nhạc như kèn, trống, sắc xô, gõ... theo phách, nhịp, tiết tấu. - Biết tên gọi 1 số dụng cụ đó.
	4 tuổi: Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	
MT108	3 tuổi: Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên sẵn có để tạo ra sản phẩm.
	4 tuổi: Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết phối hợp và sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên sẵn có để tạo ra sản phẩm.
MT109	3 tuổi: Vẽ, tô màu các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các kĩ năng vẽ, tô màu để tạo ra sản phẩm có màu sắc, hình dáng/đường nét. (Theo mẫu)
	4 tuổi: Vẽ phối hợp các nét	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các kĩ năng vẽ, tô màu để

	thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	tạo ra sản phẩm có màu sắc, hình dáng/đường nét. (theo mẫu, theo đề tài, theo ý thích). - Vẽ, tô màu các nét thẳng, xiên, ngang, cây, nhà, đồ vật, đồ chơi, con vật, vẽ mưa.
MT110	3 tuổi: Xé dán giấy theo dải, xé vụn tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng các kỹ năng xé, cắt để tạo ra sản phẩm đơn giản. - Xé theo dải, xé vụn.
	4 tuổi: Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong,.. và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	- Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản. - Xé hình vuông, tam giác, hình chữ nhật, hình tròn, theo sự giúp đỡ của cô giáo... - Dán đúng vị trí để tạo thành sản phẩm có bố cục hợp lý, đẹp mắt.
MT111	3 tuổi: Lăn dọc, xoay, ấn bẹt, bẻ, đất nặn thành sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Sử dụng các kĩ năng nặn để tạo ra sản phẩm. - Nặn bánh, hình tròn, hình vuông, nặn các loại quả....
	4 tuổi: Làm lõm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	
MT112	3 tuổi: Nhận xét sản phẩm tạo hình.	- Biết đưa ra nhận xét sản phẩm tạo hình của bản thân và của bạn khác.
	4 tuổi: Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật		
MT113	3 tuổi: Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát. - Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.
	4 tuổi: Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.	- Vận động sáng tạo, theo ý thích khi

		hát, khi nghe bản nhạc quen thuộc.
MT114	3 tuổi: Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát dưới sự giúp đỡ của cô.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát. - Sử dụng dụng cụ âm nhạc theo ý thích.
	4 tuổi: Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.	
MT115	3 tuổi: Tạo ra sản phẩm theo ý thích	- Sử dụng các kỹ năng để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét, bố cục theo ý thích của trẻ.
	4 tuổi: Tự lựa chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	
MT116	3 tuổi: Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình theo khả năng của trẻ, theo sự gợi ý của cô. - Biết nói lên ý tưởng tạo hình của mình. - Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình theo khả năng của trẻ, theo sự gợi ý của cô.
	4 tuổi: Nói tên ý tưởng tạo hình của mình.	

Dự kiến chủ đề và thời gian thực hiện

STT	CHỦ ĐỀ		TUẦN	THỜI GIAN THỰC HIỆN
1	Trường Mầm Non (4 tuần)	1. Ngày hội đến trường của bé	1	9/9 đến 13/9/2024
		2. Trường MN của bé - Tết trung thu	2	16/9 đến 20/9/2024 (sự kiện TT ngày 17)
		3. Lớp học của bé	3	23/9 đến 27/09/2024
		4. Đồ dùng, đồ chơi của lớp	4	30/9 đến 4/10/2024
2	Bản Thân (3 tuần)	1. Tôi là ai	5	7/10 đến 11/10/2024
		2. Cơ thể tôi	6	14/10 đến 18/10/2024

		3. Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh (Ngày phụ nữ việt nam)	7	21/10 đến 25/10/2024	
3	Gia Đình (4 tuần)	1. Gia đình bé	8	28/10 đến 1/11/2024	
		2. Họ hàng của gia đình bé	9	4/11 đến 8/11/2024	
		3. Đồ dùng trong gia đình bé	10	11/11 đến 15/11/2024	
		4. Nhu cầu của gia đình (Ngày hội của các thầy cô giáo)	11	18/11 đến 22/11/2024	
4	Nghề Nghiệp (4 tuần)	1. Nghề xây dựng	12	25/11 đến 29/11/2024	
		2. Nghề sản xuất	13	2/12 đến 6/12/2024	
		3. Nghề dịch vụ	14	9/12 đến 13/12/2024	
		4. Nghề truyền thống ở địa phương (Lồng ghép ngày 22/12)	15	16/12 đến 20/12/2024	
5	Thế giới động vật (4 tuần)	1. Động vật nuôi trong gia đình	16	23/12 đến 27/12/2024	
		2. Động vật sống dưới nước	17	30/12 đến 3/01/2025 (Tết dương lịch)	
		3. Động vật sống trong rừng	18	6/1 đến 10/1/2025	
		4. Chim và côn trùng	19	13/01 đến 17/01/2025	
6	Thế giới thực vật (4 tuần)	1. Tết nguyên đán	20	20/1 đến 24/01/2025	
		Dự kiến nghỉ tết Nguyên đán từ ngày 27/1/2025 đến ngày 4/2/2025			
		2. Một số loại rau	21	5/2 đến 7/02/2025	
		3. Một số loại hoa -quả	22	10/02 đến 14/02/2025	
		4. Cây xanh và môi trường sống	23	17/2 đến 21/02/2025	
7	Một số PTGT-LLGT (4 tuần)	1. Phương tiện giao thông đường bộ.	24	24/2 đến 28/2/2025	
		2. PTGT Đường sắt (Lồng ghép 8/3)	25	3/3 đến 7/03/2025	

		3. PTGT Đường thủy- Đường hàng không	26	10/3 đến 14/3/2025
		4. Luật lệ giao thông	27	17/3 đến 21/3/2025
8	Nước - HTTN (4 tuần)	1. Một số hiện tượng tự nhiên	28	24/3 đến 28/03/2025
		2. Sự kì diệu của nước	29	31/3 đến 4/4/2025
		3. Các mùa trong năm	30	7/04 đến 11/4/2025
		4. Mùa hè của bé	31	14/4 đến 18 /4/2025
9	QHĐN BH – Tết thiếu nhi (4 tuần)	1. Quê hương của bé	32	21/4 đến 25/4/2025
		2. Đất nước Việt Nam điệu kỳ	33	28/4 đến 2/5/2025
		3. Bác Hồ kính yêu	34	5/5 đến 9/5/2025
		4. Vui tết thiếu nhi 1.6	35	12/5 đến 16/5/2025

Trên đây là kế hoạch chăm sóc giáo dục của tổ Mầm Chồi năm học 2024 - 2025. Kính đề nghị BGH nhà trường phê duyệt để tổ Mầm chồi có căn cứ tiến hành thực hiện đạt hiệu quả./.

Nơi nhận

BGH (phê duyệt)

GV (t/h)

Lưu: CMT

TỔ TRƯỞNG

Dương Thị Lan

BAN GIÁM HIỆU PHÊ DUYỆT



Bùi Thị Thu Hằng